

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNST

Ngày: 08/04/2019

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà *Nguyễn Trường Hoa*.

2. Bà *Đỗ Thị Lệ Hằng*.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà *Nguyễn Thị Hương* – Thư ký
Tòa án nhân dân quận NK, thành phố CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận NK, thành phố CT tham gia phiên
tòa: Bà *Lê Thị Nga* – Kiểm sát viên.

Ngày 08/04/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố
CT tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 742/2018/TLST- HNGĐ ngày
12 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 190/2019/QĐXX-ST ngày 18/03/2019, giữa các đương
sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy A**, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: 118/9/43E Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận NK, thành
phố CT.

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Khắc H**, sinh năm 1982.

ĐKHKTT: ấp 8, xã Mỹ Lộc, H. TB, tỉnh VL.

Chỗ ở hiện nay: 118/9/43E Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận NK,
thành phố CT.

(*Các đương sự có đơn xin vắng mặt*)

NHẬN THẤY:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thúy
A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Khắc H tự nguyện tìm hiểu và
tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cái Khế,

quận NK, thành phố CT vào ngày 11/11/2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và thời gian kéo dài. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm đã thật sự rạn nứt không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo N (N), sinh ngày 21/03/2013. Khi ly hôn thì yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai bị đơn – ông Nguyễn Khắc H trình bày:

Về hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị Thúy A có kết hôn vào năm 2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà A thì đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như bà A trình bày. Hiện nay cháu đang sống với bà A nên đồng ý giao con cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do phía bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hòa giải được mà phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay,

Các đương sự có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến nhận xét về quá trình tuân theo quy định của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký và ý kiến về đường lối giải quyết vụ án: Về thẩm quyền thụ lý, xác định quan hệ trA chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng Tòa án xác định là đúng theo quy định, vụ kiện thụ lý là đúng thẩm quyền, việc tiến hành thủ tục xét xử của Tòa án cho đến giai đoạn hiện nay là phù hợp. Do đó, về đường lối giải quyết vụ án thì đại diện kiểm sát đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác định là có mâu thuẫn và tình cảm không còn, ông H cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A về việc yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sống, hoàn cảnh sống và tâm sinh lý cho con, các bên không đặt vấn đề cấp dưỡng nên con nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả trA luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà A và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh trA chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, trA chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn*”. Mặc khác, bị đơn ông H có địa chỉ thường trú tại quận NK, thành phố CT nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NK theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phần thủ tục:* Bà A, ông H đã được triệu tập hợp lệ và các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà A và ông H là có cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà A và ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc thì mâu thuẫn phát sinh. Mâu thuẫn chủ yếu là do chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi và thời gian kéo dài. Mặc dù, ông bà nhiều lần tìm cách hàn gắn, sửa đổi nhưng không mang lại kết quả. Nay bà A thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông H. Ông H được triệu tập hợp lệ nhưng ông không tham gia hòa giải cũng như xét xử và có bản tự khai trình bày về việc mâu thuẫn của vợ chồng là có nên thống nhất ly hôn với bà A. Vì vậy, đối với yêu cầu giải quyết ly hôn của bà A là có cơ sở để chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo N (N), sinh ngày 21/03/2013. Ghi nhận việc các đương sự thống nhất giao con cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu xem xét. Nếu sau này có trA chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung:* Không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy A đối với ông Nguyễn Khắc H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo N (N), sinh ngày 21/03/2013. Các đương sự thống nhất giao con cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông H không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chHển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000503 ngày 02/11/2018 thành án phí.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- **Nơi nhận:**

- + VKSND Q. NK;
- + Chi Cục THADS Q. NK;
- + UBND phường Cái Khế,
Q. NK, TP. CT;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ vụ án.

TRẦN THỊ HỒNG GÁM